

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN
XÂY DỰNG VIỆT NAM – CTCP**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 45



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tổng Công ty”).

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty là công ty TNHH Một thành viên được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 744/QĐ-BXD ngày 22 tháng 7 năm 2010 của Bộ Xây dựng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105278 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2010, thay đổi lần 02 ngày 07 tháng 10 năm 2016 về việc chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội.
- Điện thoại : 02437 667 463
- Fax : 024.3.7667464

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Tư vấn Giám sát và Quản lý Dự án
- Trung tâm Khoa học Công nghệ Xây dựng và Môi trường
- Chi nhánh VNCC tại thành phố Hồ Chí Minh – Trung tâm Tư vấn Xây dựng VNCC
- Chi nhánh Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là:

Tư vấn đầu tư và xây dựng, tổng thầu tư vấn kể cả hình thức EPC các dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp và các loại hình công trình khác bao gồm các dịch vụ;

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Thân Hồng Linh	Chủ tịch HĐQT	Ngày 06 tháng 10 năm 2016
Ông Trần Đức Toàn	Ủy viên	Ngày 06 tháng 10 năm 2016
Ông Trần Bình Trọng	Ủy viên	Ngày 06 tháng 10 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Tố Trinh	Ủy viên	Ngày 06 tháng 10 năm 2016
Ông Nguyễn Lâm Cường	Ủy viên	Ngày 06 tháng 10 năm 2016

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Cung Lan Khanh	Trưởng Ban kiểm soát	Ngày 06 tháng 10 năm 2016
Ông Lê Anh Dũng	Kiểm soát viên	Ngày 06 tháng 10 năm 2016
Ông Phạm Vũ Thành	Kiểm soát viên	Ngày 26 tháng 4 năm 2017

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Trần Đức Toàn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 10 năm 2016
Ông Trần Bình Trọng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 10 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Tố Trinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 10 năm 2016
Ông Nguyễn Lâm Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 10 năm 2016
Ông Nguyễn Đình Thi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2017
Ông Nguyễn Huy Khanh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 9 tháng 03 năm 2020
Ông Nguyễn Xuân Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Đức Toàn – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 06 tháng 10 năm 2016).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tổng Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



KTS. Trần Đức Toàn

Ngày 28 tháng 8 năm 2020

Head Office	: 02 Trung Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho	: 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0486/20/TC - AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM – CTCP**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (gọi chung là “Tổng Công ty”), được lập ngày 26 tháng 8 năm 2020, từ trang 07 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số I.8 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tổng công ty chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa do Tổng công ty chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán vốn tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2020

22/08/20
H
Y
UHA
Ư V
ĐI
P.H

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		863.366.513.242	911.417.302.160
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	90.501.884.037	98.105.847.198
1. Tiền	111		39.088.910.955	46.305.847.198
2. Các khoản tương đương tiền	112		51.412.973.082	51.800.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		155.963.450.000	176.663.450.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	155.963.450.000	176.663.450.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		326.132.552.467	327.346.601.420
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	203.525.860.014	219.252.354.803
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	43.225.344.878	39.691.585.216
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	84.836.709.663	74.986.750.981
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(5.805.072.088)	(6.584.089.580)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		349.710.000	-
IV. Hàng tồn kho	140		260.715.114.725	283.394.054.323
1. Hàng tồn kho	141	V.7	260.715.114.725	283.394.054.323
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		30.053.512.013	25.907.349.219
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	5.105.043.061	9.516.431.395
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.201.356.742	13.851.751.058
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	3.747.112.210	2.539.166.766
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		289.350.638.625	297.374.428.944
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.262.178.571	447.633.603
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.262.178.571	447.633.603
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		144.994.620.097	150.008.609.458
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	141.931.698.593	146.558.369.550
<i>Nguyên giá</i>	222		273.796.459.603	273.238.742.389
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(131.864.761.010)	(126.680.372.839)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	3.062.921.504	3.450.239.908
<i>Nguyên giá</i>	228		12.015.293.436	11.972.713.436
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(8.952.371.932)	(8.522.473.528)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.202.668.574	1.827.370.169
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.202.668.574	1.827.370.169
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		111.949.470.849	112.411.456.534
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	71.442.952.936	71.904.938.621
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	41.736.517.913	41.736.517.913
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(1.230.000.000)	(1.230.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		27.941.700.534	32.679.359.180
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	27.941.700.534	32.679.359.180
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.152.717.151.867	1.208.791.731.104

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		673.985.669.525	733.416.179.648
I. Nợ ngắn hạn	310		653.048.025.216	712.958.097.209
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	41.288.916.543	67.847.692.916
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	253.878.379.115	270.025.176.699
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	9.130.704.985	8.951.085.430
4. Phải trả người lao động	314		13.072.355.036	29.328.246.030
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	32.859.284.276	40.057.013.839
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		837.684.801	844.718.148
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	241.802.402.659	229.781.469.455
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	43.403.915.820	40.370.325.678
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.17	748.245.642	748.245.642
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	16.026.136.339	25.004.123.372
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		20.937.644.309	20.458.082.439
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.230.333.471	806.986.364
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	19.282.310.838	18.751.096.075
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	425.000.000	900.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		478.731.482.342	475.375.551.456
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	478.682.331.774	475.326.400.888
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		357.744.480.000	357.744.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		357.744.480.000	357.744.480.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(15.975.850.433)	(15.975.850.433)
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.646.303.237	18.904.470.120
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		989.424.183	989.424.183
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		53.231.762.393	44.126.305.109
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		36.037.727.938	44.126.305.109
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		17.194.034.455	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		63.046.212.394	69.537.571.909
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		49.150.568	49.150.568
1. Nguồn kinh phí	431		49.150.568	49.150.568
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.152.717.151.867	1.208.791.731.104

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Bình

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Đoàn Trang

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2020

Tổng Giám đốc



KTS. Trần Đức Toàn

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	390.083.604.438	343.636.150.141
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		550.089.091	6.754.545
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		389.533.515.347	343.629.395.596
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	329.755.220.158	282.458.762.473
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		59.778.295.189	61.170.633.123
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.087.114.708	23.136.752.735
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	759.732.633	730.229.344
Trong đó: chi phí lãi vay	23		726.064.063	715.767.293
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		4.724.979.315	(8.854.460.713)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	14.426.838	250.382.677
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	45.594.811.871	46.579.220.448
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.221.417.870	27.893.092.676
12. Thu nhập khác	31	VI.7	703.879.487	404.635.176
13. Chi phí khác	32	VI.8	4.565.359.743	1.276.234.419
14. Lợi nhuận khác	40		(3.861.480.256)	(871.599.243)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.359.937.614	27.021.493.433
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		5.165.903.159	3.855.409.465
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>17.194.034.455</u>	<u>23.166.083.968</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>14.360.995.157</u>	<u>18.544.230.677</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>2.833.039.298</u>	<u>4.621.853.291</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>401</u>	<u>518</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>401</u>	<u>518</u>

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thị Thanh Bình

Nguyễn Thị Đoàn Trang

KTS. Trần Đức Toàn

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22.359.937.614	27.021.493.433
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	6.072.578.166	6.520.362.240
- Các khoản dự phòng	03	V.6	(779.017.492)	277.980.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	574.729	2.681.450
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(13.001.457.659)	(14.274.227.075)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	726.064.063	715.767.293
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		15.378.679.421	20.264.057.341
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.379.029.651)	(41.655.132.833)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		22.678.939.598	(30.132.260.274)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(50.775.971.225)	65.106.882.337
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		9.149.046.980	32.140.431
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(726.064.063)	(715.767.293)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(3.653.318.101)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		(5.116.172.008)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(17.699.918.594)	(10.453.469.023)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(38.143.807.643)	2.446.450.686
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.433.887.210)	(1.614.887.513)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		189.363.636	10.490.905
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6.000.000.000)	(28.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		27.075.000.000	18.908.082.427
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4.192.983.603	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.087.114.708	23.118.196.883
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		31.110.574.737	12.421.882.702

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	29.448.036.345	16.864.634.786
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(26.889.446.203)	(12.872.503.371)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.082.141.171)	(1.463.556.037)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(523.551.029)	2.528.575.378
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(7.556.783.935)	17.396.908.766
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	98.105.847.198	109.359.568.972
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(47.179.226)	(2.681.450)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	90.501.884.037	126.753.796.288

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Bình

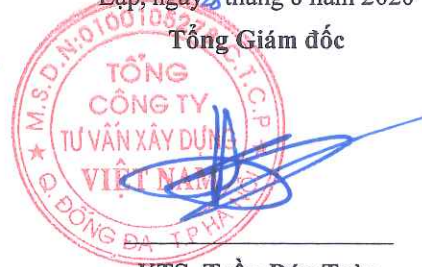
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Đoàn Trang

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2020

Tổng Giám đốc



KTS. Trần Đức Toàn

5-002-C
 ANH
 TY
 HỮU HẠ
 TỬ VÀ
 C
 NỘI
 TP. H

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ là dịch vụ tư vấn xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Tư vấn đầu tư và xây dựng, tổng thầu tư vấn kê cả hình thức EPC các dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; Lập và thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng; Lập và thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán, dự toán công trình và hệ thống hạ tầng kỹ thuật; Giám sát thi công xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tổng Công ty

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và 7 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Các Công ty con trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng – CCBM	Tòa nhà VG, số 235, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Tư vấn xây dựng	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam – CDC	Tòa nhà CIC-CDC, số 37 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Tư vấn thiết kế xây dựng	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam – VCC	Tầng 8-11, Tòa nhà số 10 Hoa Lư, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Tư vấn xây dựng	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO	Số 91 Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	Khảo sát xây dựng	57,76%	57,76%	57,76%

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**Các Công ty con gián tiếp**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng VCC Việt Nam	Tầng 10, Tòa nhà số 10 Hoa Lư, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Tư vấn xây dựng	67,00%	34,17%	67,00%
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng VCC Hà Nội	Tòa nhà số 10 Hoa Lư, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Tư vấn xây dựng	75,00%	38,25%	75,00%
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Xây dựng Miền Nam	Số 244/23 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tư vấn xây dựng	51,00%	26,01%	51,00%

5b. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu**Các công ty liên kết của Công ty mẹ**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Kiểm định Kỹ thuật, An toàn và Tư vấn xây dựng – INCOSAF	Số 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Kiểm định xây dựng	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Tư vấn Nước và Môi trường Việt Nam – VIWASE	Số 5 Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	Tư vấn xây dựng	35,35%	35,35%	35,35%
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp – NAGECCO	Số 29 Bis Nguyễn Đình Chiểu, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Tư vấn xây dựng	48,57%	48,57%	48,57%
Công ty Cổ phần Công nghệ và Tư vấn CIC	Tòa nhà CIC-CDC, số 37 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Tin học và tư vấn xây dựng	49,00%	49,00%	49,00%

Công ty liên kết của Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà số 5 Lạc Long Quân	Số 5, Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	40,00%	23,10%	40,00%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có 1.293 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.361 nhân viên).

8. Các vấn đề ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa do Tổng công ty chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tổng Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tổng Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được điều chỉnh lại theo giá trị đánh giá lại theo Quyết định số 980/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 25 tháng 8 năm 2015 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty tại thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Biên bản quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm ngày 07 tháng 10 năm 2016 do Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam lập ngày 10 tháng 10 năm 2018.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo Quyết định số 980/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 25 tháng 8 năm 2015 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty tại thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Biên bản quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm ngày 07 tháng 10 năm 2016 do Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam lập ngày 10 tháng 10 năm 2018. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tổng Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho của Tổng Công ty chỉ bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, được xác định như sau:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Chi phí SXKD} & = & \text{Chi phí SXKD} & + & \text{Chi phí SXKD} & - & \text{Giá vốn hàng bán} \\ \text{dở dang cuối kỳ} & & \text{dở dang đầu kỳ} & & \text{phát sinh trong kỳ} & & \text{trong kỳ} \end{array}$$

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí thuê văn phòng, lợi thế kinh doanh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian 5 năm.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ Xây dựng. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm tính từ ngày doanh nghiệp chính thức chuyển sang công ty cổ phần ngày 06 tháng 10 năm 2016.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Đối với Công ty mẹ - Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam – CTCP, nguyên giá tài sản cố định hữu hình được điều chỉnh lại theo giá trị đánh giá lại theo Quyết định số 980/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 25 tháng 8 năm 2015 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty tại thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng phải trả của Tổng Công ty chỉ bao gồm dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn, là khoản dự phòng được ghi nhận khi các lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng thấp hơn chi phí bắt buộc phải trả cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng.

Tăng, giảm số dư dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty mẹ.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Là các khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản của các công ty con tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty đã tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	6.654.258.154	10.091.227.822
Tiền gửi ngân hàng	32.434.652.801	36.214.619.376
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	51.412.973.082	51.800.000.000
Cộng	90.501.884.037	98.105.847.198

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCVP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Giá trị ghi sổ	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư
	Cộng	Cộng	Cộng	Cộng
Công ty Cổ phần Kiểm định Kỹ thuật, An toàn và Tư vấn xây dựng – Incosaf	5.723.981.751	3.681.841.299	5.723.981.751	3.902.538.133
Công ty Cổ phần Công nghệ và Tư vấn CIC	4.984.415.910	956.357.838	4.984.415.910	948.950.289
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam – Viwase	16.079.573.733	3.021.287.885	16.079.573.733	3.741.522.972
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp – Nageco	22.098.023.547	(5.097.034.560)	22.098.023.547	(5.568.573.247)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà số 5 Lạc Long Quân	20.000.000.000	(5.494.467)	20.000.000.000	(5.494.467)
Cộng	68.885.994.941	2.556.957.995	68.885.994.941	3.018.943.680

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCPC

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tổng Công ty tại các công ty liên kết như sau:

	Số đầu năm	Phản lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ	Các khoản điều chỉnh khác (*)	Số cuối kỳ
Công ty Cổ phần Kiểm định Kỹ thuật, An toàn và Tư vấn xây dựng – Incosaf	9.626.519.884	759.303.166	(624.750.000)	(355.250.000)	9.405.823.050
Công ty Cổ phần Công nghệ và Tư vấn CIC	5.933.366.199	400.950.682	(281.095.000)	(112.405.633)	5.940.773.748
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam – Viwase	19.821.096.705	983.634.914	(1.527.120.000)	(176.750.000)	19.100.861.618
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp – Nageco	16.529.450.300	3.077.239.577	(2.754.000.000)	148.299.111	17.000.988.987
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà số 5 Lạc Long Quân	19.994.505.533	-	-	-	19.994.505.533
Cộng	71.904.938.621	5.221.128.339	(5.186.965.000)	(496.149.024)	71.442.952.936

(*) Công ty liên kết trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao ban kiểm soát trong kỳ.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)*Tình hình hoạt động của các công ty liên kết*

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty với các công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức được chia		
Công ty Cổ phần Kiểm định Kỹ thuật, An toàn và Tư vấn xây dựng – Incosaf	624.750.000	602.700.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Tư vấn CIC	281.095.000	214.987.500
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam – Viwase	1.527.120.000	1.527.120.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp – Nageco	2.754.000.000	11.016.000.000

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng – Coninco	21.114.000.000	-	21.114.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama Land	6.626.292.837	-	6.626.292.837	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Tân Cảng	8.860.349.441	-	8.860.349.441	-
Công ty Tư vấn Công trình Châu Á Thái Bình Dương	1.258.619.729	-	1.258.619.729	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí	3.000.000.000	(1.230.000.000)	3.000.000.000	(1.230.000.000)
Công ty Cổ phần Sản xuất Vật liệu Xây dựng Việt Nam	840.000.000	-	840.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật CCMB-S	37.255.906	-	37.255.906	-
Cộng	41.736.517.913	(1.230.000.000)	41.736.517.913	(1.230.000.000)

Giá trị hợp lý

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Trong kỳ, Tổng Công ty không phát sinh trích lập/(hoàn nhập) dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Minh	3.171.868.373	4.171.868.373
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Phú Quốc	3.066.309.000	3.066.309.000
Công ty Cổ phần Vega City	-	2.493.772.696
Công ty TNHH BLT Sơn La	4.169.845.635	4.169.845.635
Công ty Cổ phần AT	6.595.689.000	6.595.689.000
Công ty TNHH Ngọc Minh Quang	2.410.466.000	7.415.289.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Hoàng Dân	5.790.415.000	4.926.060.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Cơ điện IEC	-	1.622.100.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn MIKGroup Việt Nam	-	2.052.979.823
Công ty Cổ phần Khảo sát Vịnh Hạ Long	-	1.173.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Bắc Giang	-	1.964.200.413
Công ty TNHH Sản Xuất và Kinh doanh Vinfast	2.271.114.000	-
Các khách hàng khác	176.050.153.006	179.601.240.863
Cộng	<u>203.525.860.014</u>	<u>219.252.354.803</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Măng cọc và Khảo sát Hùng Vương	2.405.937.064	10.897.335.342
Các nhà cung cấp khác	40.819.407.814	28.794.249.874
Cộng	<u>43.225.344.878</u>	<u>39.691.585.216</u>

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu thù lao người đại diện vốn</i>	<i>45.600.000</i>	-	<i>33.600.000</i>	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp – Nageco	9.600.000	-	9.600.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ và Tư vấn - CIC	36.000.000	-	24.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>84.791.109.663</i>	-	<i>74.953.150.981</i>	-
Tạm ứng	64.231.628.593	-	57.359.027.691	-
Phải thu người lao động	5.756.548.342	-	4.217.989.797	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	11.200.000	-
Cổ tức phải thu	2.665.862.000	-	-	-
Phải thu về cổ phần hóa	15.185.000	-	34.766.376	-
BHXH, Kinh phí công đoàn nộp thừa	309.067.563	-	160.727.995	-
Phải thu thuế TNCN	1.048.119.452	-	3.319.067.077	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	10.764.698.713	-	9.850.372.045	-
Cộng	84.836.709.663	-	74.986.750.981	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

6. Nợ xấu

Các khoản nợ xấu sau đây đều có thời gian quá hạn trên 3 năm và đã được trích lập dự phòng 100%.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	6.584.089.580
Hoàn nhập dự phòng	(779.017.492)
Số cuối kỳ	5.805.072.088

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	521.708.247	-	688.998.167	-
Công cụ, dụng cụ	171.878.454	-	254.786.078	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	248.604.076.150	-	275.928.981.988	-
Thành phẩm	-	-	2.309.566.583	-
Hàng hóa	15.846.000	-	4.211.721.507	-
Cộng	260.715.114.725	-	283.394.054.323	-

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.471.394.198	4.344.443.071
Chi phí tham quan học tập	1.459.500.000	1.459.500.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	174.148.863	3.712.488.324
Cộng	5.105.043.061	9.516.431.395

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	6.896.446.085	7.858.190.949
Chi phí thuê Văn phòng	8.557.182.367	10.458.778.447
Giá trị lợi thế kinh doanh	10.977.139.257	11.978.017.433
Chi phí đề án nâng cao năng lực thiết kế	820.034.896	820.034.896
Các chi phí trả trước dài hạn khác	690.897.929	1.564.337.455
Cộng	27.941.700.534	32.679.359.180

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCPC

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu năm	170.352.461.362	74.425.618.783	25.826.692.606	2.633.969.638	273.238.742.389
Mua trong kỳ	-	128.063.636	-	43.636.364	171.700.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	844.308.805	-	-	-	844.308.805
Thanh lý, nhượng bán	-	(39.582.500)	(418.709.091)	-	(458.291.591)
Số cuối kỳ	171.196.770.167	74.514.099.919	25.407.983.515	2.677.606.002	273.796.459.603

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

1.364.405.722

4.606.648.090

2.304.315.245

-

8.275.369.057

Giá trị hao mòn

Số đầu năm

2.274.865.021

21.032.236.569

38.875.815.045

64.497.456.204

126.680.372.839

Khấu hao trong kỳ

166.555.926

626.330.694

2.353.679.920

2.496.113.222

5.642.679.762

Thanh lý, nhượng bán

-

(418.709.091)

(39.582.500)

-

(458.291.591)

Số cuối kỳ

2.441.420.947

21.239.858.172

41.189.912.465

66.993.569.426

131.864.761.010

Giá trị còn lại

Số đầu năm

359.104.617

4.794.456.037

35.549.803.738

105.855.005.158

146.558.369.550

Số cuối kỳ

236.185.055

4.168.125.343

33.324.187.454

104.203.200.741

141.931.698.593

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.056.384.800	10.916.328.636	11.972.713.436
Mua trong kỳ		42.580.000	42.580.000
Số cuối kỳ	1.056.384.800	10.958.908.636	12.015.293.436
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	4.886.346.220	4.886.346.220
Chờ thanh lý			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	8.522.473.528	8.522.473.528
Khấu hao trong kỳ	-	429.898.404	429.898.404
Số cuối kỳ	-	429.898.404	8.952.371.932
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.056.384.800	2.393.855.108	3.450.239.908
Số cuối kỳ	1.056.384.800	2.006.536.704	3.062.921.504
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	1.221.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Tư vấn - CIC	-	1.221.000.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	41.288.916.543	66.626.692.916
Công ty Cổ phần Nam Văn Phong Khánh Hòa	4.430.466.679	4.608.429.187
Công ty Cổ phần Công nghiệp E.Nhất	1.532.580.352	19.530.580.352
Các nhà cung cấp khác	35.325.869.512	42.347.683.377
Cộng	41.288.916.543	67.847.692.916

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Limitless World	4.559.688.986	4.559.688.986
Công ty Cổ phần Đầu tư Mai Linh	948.860.331	5.036.316.441
Công ty URS Federal Services International, Inc- Văn phòng đại diện tại Việt Nam	38.489.617.321	50.181.395.014
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng chuyên ngành - Bộ Xây dựng	2.807.433.751	5.343.431.687
Công ty TNHH Điện lực Vân Phong	3.818.100.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch cáp treo Fansipan Sapa	4.170.000.000	4.110.000.000
Ban quản lý Đầu tư xây dựng Công trình tỉnh Vĩnh Phúc	-	5.477.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị An Hưng	-	5.520.000.000
Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Ấn Độ	-	4.371.585.518
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	3.478.181.064	3.478.181.064
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Lam	3.536.668.000	3.536.668.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thắng Group	-	-
Trường đại học Phenikaa	1.285.723.756	3.294.000.000
Ban Quản lý Các dự án Đầu tư xây dựng – Tổng công ty Viglacera - CTCP	1.431.200.000	664.200.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	1.197.158.949	1.100.000.000
Trả trước của khách hàng khác	188.155.746.957	173.352.709.989
Cộng	<u>253.878.379.115</u>	<u>270.025.176.699</u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCPP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.024.390.079	699.406.864	18.374.130.233	(17.570.039.539)	5.720.411.498	1.591.337.589
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	1.109.255.311	916.816.799	5.233.569.496	(3.653.318.101)	2.297.752.775	525.062.868
Thuế thu nhập cá nhân	3.078.113.848	260.582.234	1.700.185.283	(6.042.824.330)	104.924.989	1.630.032.422
Thuế nhà đất, Tiền thuê đất	649.263.684	346.543	845.956.826	(654.427.745)	840.446.222	-
Các loại thuế khác	-	-	67.981.282	(33.000.000)	34.981.282	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	90.062.508	662.014.326	1.197.039.723	(493.579.017)	132.188.219	679.331
Cộng	8.951.085.430	2.539.166.766	27.371.649.886	(28.399.975.775)	9.130.704.985	3.747.112.210

(*) Thuế TNDN phải nộp tính vào chi phí Tổng Công ty 5.165.903.159
 Thuế TNDN phải nộp thu lại của bên thứ 3 67.666.337
Cộng 5.233.569.496

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tổng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tổng Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)*Các loại thuế khác*

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí dự án trích trước theo doanh thu hợp đồng tư vấn	1.191.996.528	537.547.267
Chi phí trích trước giá thành công trình	30.126.501.713	37.812.680.537
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.540.786.035	1.706.786.035
Cộng	<u>32.859.284.276</u>	<u>40.057.013.839</u>

15. Phải trả khác**15a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan về ủy thác đầu tư</i>	<i>750.000.000</i>	<i>750.000.000</i>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp – Nageco	375.000.000	375.000.000
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam – Viwase	375.000.000	375.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>241.052.402.659</i>	<i>229.031.469.455</i>
Kinh phí công đoàn	773.435.754	502.253.573
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	2.789.133.303	2.909.302.196
Phải trả về cổ phần hóa	2.485	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	257.850.320	300.611.302
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.523.679.602	493.932.815
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Tứ Kỳ - đặt cọc cho dự án khu nhà ở công ty cổ phần khảo sát và xây dựng Usco tại Quốc Bảo Thanh Trì	5.000.000.000	5.000.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	229.708.301.195	219.825.369.569
Cộng	<u>241.802.402.659</u>	<u>229.781.469.455</u>

15b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ, ký cược	1.241.606.144	1.328.012.249
Văn phòng đại diện Johs Rieckerman tại Việt Nam- tiền hợp tác kinh doanh	18.040.704.694	17.423.083.826
Cộng	<u>19.282.310.838</u>	<u>18.751.096.075</u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**16. Vay****16a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long ⁽ⁱ⁾	13.975.458.155	11.741.868.013
Vay ngắn hạn các cá nhân	8.328.457.665	8.628.457.665
Vay dài hạn đến hạn trả Công ty Cổ phần Tập đoàn VIDEA ⁽ⁱⁱ⁾	21.100.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long (xem thuyết minh V.16b)	1.100.000.000	-
Cộng	43.403.915.820	40.370.325.678

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long của công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng –CCBM để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với thời hạn vay không quá 6 tháng.
- (ii) Khoản vay của công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Videc với lãi suất 0%, theo hợp đồng vay số 104/VIDEC-USCO ngày 18 tháng 12 năm 2017, mục đích vay mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà số 5 Lạc Long Quân.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	11.741.868.013	21.648.036.345	-	(19.414.446.203)	13.975.458.155
Vay ngắn hạn các cá nhân	8.628.457.665	6.800.000.000	-	(7.100.000.000)	8.328.457.665
Vay dài hạn đến hạn trả	20.000.000.000	-	1.100.000.000	-	21.100.000.000
Cộng	40.370.325.678	28.448.036.345	1.100.000.000	(26.514.446.203)	43.403.915.820

16b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long ⁽ⁱ⁾	425.000.000	900.000.000

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng -CCBM với mục đích xây dựng nhà xưởng và thời hạn vay là 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	21.100.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	425.000.000
Trên 5 năm	-
Cộng	<u>21.525.000.000</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	900.000.000	21.300.000.000
Số tiền vay phát sinh	1.000.000.000	-
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	(1.100.000.000)	-
Số tiền vay đã trả	(375.000.000)	(20.000.000)
Số cuối kỳ	<u>425.000.000</u>	<u>21.280.000.000</u>

Tổng Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

17. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng phải trả cho khoản lỗ liên quan đến Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên theo kết luận số 167/KL-TTCTP ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Thanh tra Chính Phủ về Dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 – Công ty Gang thép Thái Nguyên và có thể phải trả lại giá trị hợp đồng đã thu.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23.778.607.574	8.407.547.892	(16.735.927.155)	15.450.228.311
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.225.515.798	314.383.669	(963.991.439)	575.908.028
Cộng	<u>25.004.123.372</u>	<u>8.721.931.561</u>	<u>(17.699.918.594)</u>	<u>16.026.136.339</u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCPC

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	357.744.480.000	(15.892.939.043)	17.138.532.445	989.424.183	34.455.010.144	61.271.725.078	455.706.232.807
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	18.544.230.679	4.621.853.291	23.166.083.970
Trích lập các quỹ	-	-	442.189.932	-	(1.663.620.255)	(1.042.999.980)	(2.264.430.303)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(1.463.556.037)	(1.463.556.037)
Giảm khác	-	-	47.234.740	-	482.290.595	609.505.046	1.139.030.381
Số dư cuối kỳ trước	357.744.480.000	(15.892.939.043)	17.627.957.117	989.424.183	51.817.911.163	63.996.527.398	476.283.360.818
Số dư đầu năm nay	357.744.480.000	(15.975.850.433)	18.904.470.120	989.424.183	44.126.305.109	69.537.571.909	475.326.400.888
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	14.360.995.157	2.833.039.298	17.194.034.455
Trích lập các quỹ	-	-	741.833.117	-	(5.255.482.359)	(4.208.282.319)	(8.721.931.561)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	-	(5.111.887.958)	(5.111.887.958)
Trích thường ban điều hành	-	-	-	-	(1.469.670)	(2.814.380)	(4.284.050)
Giảm khác	-	-	-	-	1.414.156	(1.414.156)	-
Số dư cuối kỳ này	357.744.480.000	(15.975.850.433)	19.646.303.237	989.424.183	53.231.762.393	63.046.212.394	478.682.331.774

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn Nhà nước	312.377.480.000	312.377.480.000
Vốn góp của các đối tượng khác	45.367.000.000	45.367.000.000
Cộng	357.744.480.000	357.744.480.000

19c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35.774.448	35.774.448
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	35.774.448	35.774.448
- Cổ phiếu phổ thông	35.774.448	35.774.448
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.774.448	35.774.448
- Cổ phiếu phổ thông	35.774.448	35.774.448
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ**Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 27.571,71USD (số đầu năm là 295.375USD).

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	25.436.665.398	148.874.287
Doanh thu cung cấp dịch vụ	360.430.864.193	335.939.634.844
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.005.950.000	4.243.042.726
Doanh thu khác	3.210.124.847	3.304.598.284
Cộng	390.083.604.438	343.636.150.141

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tổng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	22.694.893.917	54.626.925.041
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	306.524.896.989	224.194.256.989
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	535.429.252	3.637.580.443
Cộng	329.755.220.158	282.458.762.473

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	5.702.347.708	6.360.731.845
Cổ tức được chia	2.384.767.000	16.773.339.440
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	2.681.450
Cộng	8.087.114.708	23.136.752.735

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	726.064.063	715.767.293
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	14.462.051
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	574.729	-
Chi phí tài chính khác	33.093.841	-
Cộng	759.732.633	730.229.344

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	14.426.838	105.790.061
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	43.200.016
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	101.392.600
Cộng	14.426.838	250.382.677

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên (*)	26.628.281.501	24.047.764.459
Chi phí vật liệu quản lý	199.782.148	799.660.987
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.715.088.337	756.972.018
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.366.019.937	3.066.236.521
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(145.000.000)	775.756.245
Thuế, phí và lệ phí	832.253.067	239.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.570.381.476	3.284.871.989
Các chi phí khác	13.428.005.405	13.608.958.229
Cộng	45.594.811.871	46.579.220.448

(*) Chi phí nhân viên kỳ này giảm do hoàn nhập quỹ dự phòng tiền lương trích từ năm 2019 số tiền 5.017.000.000 VND.

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	189.363.636	23.711.046
Thu từ kết quả thi phương án thiết kế	220.000.000	-
Xử lý công nợ phải trả không phải trả	81.800.005	-
Thu nhập khác	212.715.846	380.924.130
Cộng	703.879.487	404.635.176

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chậm nộp thuế, BHXH	15.224.363	173.357.109
Giá vốn tăng 4 tòa nhà VG	1.165.615.450	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	135.953.868	220.496.610
Phạt vi phạm hợp đồng	304.009.581	376.400.000
Chi phí phương án thiết kế	209.000.000	-
Chi phí khác	2.735.556.481	505.980.700
Cộng	4.565.359.743	1.276.234.419

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.360.995.157	18.544.230.677
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.360.995.157	18.544.230.677
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	35.774.448	35.774.448
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	401	518

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	84.433.879.186	55.701.769.271
Chi phí nhân công	110.333.459.148	120.565.319.913
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.953.977.625	5.610.306.994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.607.566.152	54.693.779.228
Chi phí khác	74.954.952.256	77.697.224.771
Cộng	340.283.834.367	314.464.108.602

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ này là 2.061.000.000 VND (kỳ trước là 2.246.299.391 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Kiểm định Kỹ thuật, An toàn và Tư vấn xây dựng – Incosaf	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tin học và Tư vấn Xây dựng – CIC	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam – Viwase	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp – Nageco	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà số 5 Lạc Long Quân	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch với bên liên quan khác được trình bày ở thuyết minh số V.2b.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.5, V.11, V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Tổng Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh là tư vấn xây dựng và chỉ diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

3. Số liệu so sánh

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tổng Công ty chưa ghi nhận giá trị các khoản đầu tư theo Biên bản quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm ngày 07 tháng 10 năm 2016 do Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam lập ngày 10 tháng 10 năm 2018. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã điều chỉnh lại số liệu này.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh sai sót này đến số liệu so sánh đầu năm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số sau điều chỉnh	Số điều chỉnh	Số trước điều chỉnh
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	911.417.302.160	(1.380.059.552)	912.797.361.712
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	327.346.601.420	(1.380.059.552)	328.726.660.972
Phải thu ngắn hạn khác	136	74.986.750.981	(1.380.059.552)	76.366.810.533
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	297.374.428.944	1.437.148.162	295.937.280.782
Đầu tư tài chính dài hạn	250	112.411.456.534	1.437.148.162	110.974.308.372
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	71.904.938.621	1.445.585.547	70.459.353.074

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	41.736.517.913	(8.437.385)	41.744.955.298
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	1.208.791.731.104	57.088.610	1.208.734.642.494
NỢ PHẢI TRẢ	300	733.416.179.648	140.000.000	733.276.179.648
Nợ ngắn hạn	310	712.958.097.209	140.000.000	712.818.097.209
Phải trả người bán ngắn hạn	311	67.847.692.916	140.000.000	67.707.692.916
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	475.375.551.456	(82.911.390)	475.458.462.846
Vốn chủ sở hữu	410	475.326.400.888	(82.911.390)	475.409.312.278
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	(15.975.850.433)	(82.911.390)	(15.892.939.043)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1.208.791.731.104	57.088.610	1.208.734.642.494

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2020

Người lập biểu

Lê Thị Thanh Bình

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Đoàn Trang

Tổng Giám đốc



KTS. Trần Đức Toàn

